



25 ĐỀ KIỂM TRA TOÁN - TIẾNG VIỆT

LỚP

1



TỦ SÁCH LUYỆN THI

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 1
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

Bài 1: Tính:

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 0 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

Bài 2: Tính:

$$1 + 2 + 1 =$$

$$3 + 1 + 1$$

$$2 + 0 + 1 =$$

Bài 3:

>

<

=

?

$$\begin{array}{l} 2 + 3 \dots 5 \\ 2 + 2 \dots 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 2 + 2 \dots 1 + 2 \\ 2 + 1 \dots 1 + 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 1 + 4 \dots 4 + 1 \\ 5 + 0 \dots 2 + 3 \end{array}$$

Bài 4:

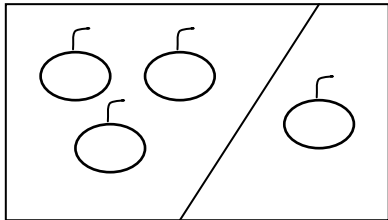
Số?

$$\begin{array}{l} 1 + \dots = 1 \\ \dots + 3 = 3 \end{array}$$

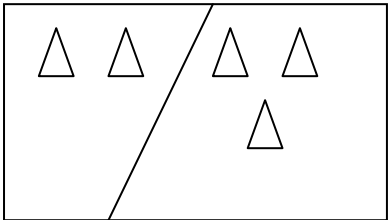
$$\begin{array}{l} 1 + \dots = 2 \\ 2 + \dots = 2 \end{array}$$

Bài 5: Viết phép tính thích hợp

a.



b.



ĐỀ KIỂM TRA SỐ 2
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

Bài 1: (1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ trống :

a/ 0 ; 1; 2;; ...; 6 ;; 8;; 10.

b/ 10; 9 ;.....;; 6 ;; 4;; 2 ;; 0.

Bài 2: (2,5 điểm) Tính:

a/ $4 + 5 = \dots\dots\dots$

$10 - 3 = \dots\dots\dots$

$4 + 3 + 2 = \dots\dots\dots$

$8 - 6 - 0 = \dots\dots\dots$

b/

$\begin{array}{r} 7 \\ + \\ 1 \\ \hline \dots\dots\dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ 5 \\ \hline \dots\dots\dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 8 \\ + \\ 2 \\ \hline \dots\dots\dots \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ - \\ 4 \\ \hline \dots\dots\dots \end{array}$
--	---	--	--

Bài 3: Số (1 điểm)

$3 + \square = 8$; $9 - \square = 6$; $\square + 4 = 8$; $7 - \square = 5$

Bài 4: (1 điểm) Đọc, viết số ?

năm

hai

ba

.....

.....

.....

.....

.....

7

6

Bài 5: Điền dấu $> < =$: (1,5 điểm)

a/ $5 + 4 \square 9$

$6 \square 5$

b/ $8 - 3 \square 3 + 5$

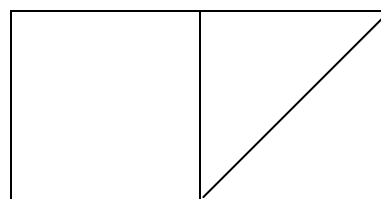
$7 - 2 \square 3 + 3$

Bài 6: (1 điểm)

Hình vẽ bên có:

- Có.....hình tam giác

- Có.....hình vuông



Bài 7: (2 điểm) Viết phép tính thích hợp :

a. Có : 9 quả bóng.

Cho : 3 quả bóng.

Còn lại : ...quả bóng ?

--	--	--	--	--

b. Điền số và dấu thích hợp để được phép tính đúng :

			=	6
--	--	--	---	---

			=	9
--	--	--	---	---

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 3
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

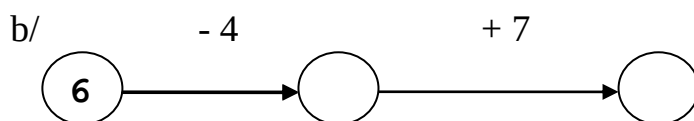
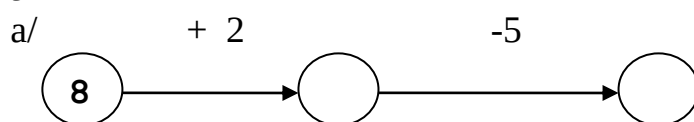
1/Tính:

$\begin{array}{r} 6 \\ + \\ 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ - \\ 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 7 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ - \\ 6 \\ \hline \end{array}$
--	--	--	--

(1đ)

2/ Tính: $6 + 2 =$ $9 - 5 =$ $4 + 3 - 6 =$
 $7 - 3 =$ $10 + 0 =$ $3 - 2 + 8 =$ (1,5đ)

3/ Số ?



(1đ)

4/Điền dấu đúng: $> < =$?

$9 \square 6 + 2$	$7 \square 8 - 2$	$5 + 3 \square 3 + 5$
$4 \square 8 - 5$	$6 \square 7 + 1$	$9 - 2 \square 8 + 1$

(3đ)

5/ Điền số và phép tính thích hợp vào ô trống:

Có: 10 cây bút

Cho: 3 cây bút

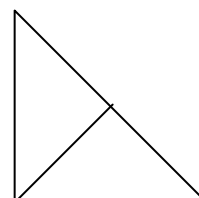
Còn:cây bút

--	--	--	--	--

6/ Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

(1đ)

Có :hình tam giác



ĐỀ KIỂM TRA SỐ 4
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

Bài 1: (1 điểm)

- a) Viết các số từ 0 đến 10:
- b) Viết các số từ 10 đến 0:

Bài 2: (3 điểm) Tính:

- a)
- | | | | |
|---|---|--|---|
| $\begin{array}{r} + 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 6 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 10 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 7 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ |
| ... | ... | ... | ... |
- b)
- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| $6 + 2 = \dots\dots\dots$ | $6 + 2 + 2 = \dots\dots\dots$ |
| $10 + 0 = \dots\dots\dots$ | $10 - 5 - 3 = \dots\dots\dots$ |
| $8 - 3 = \dots\dots\dots$ | $4 + 3 - 2 = \dots\dots\dots$ |
| $5 - 2 = \dots\dots\dots$ | $9 - 4 + 5 = \dots\dots\dots$ |

Bài 3: (2 điểm)

- | | | |
|-----|------------------|-------------------|
| Số? | $4 + \dots = 10$ | $9 = 5 + \dots$ |
| | $\dots + 3 = 5$ | $8 = \dots + 6$ |
| | $7 - \dots = 3$ | $10 = 10 + \dots$ |
| | $\dots - 5 = 0$ | $10 = \dots + 7$ |

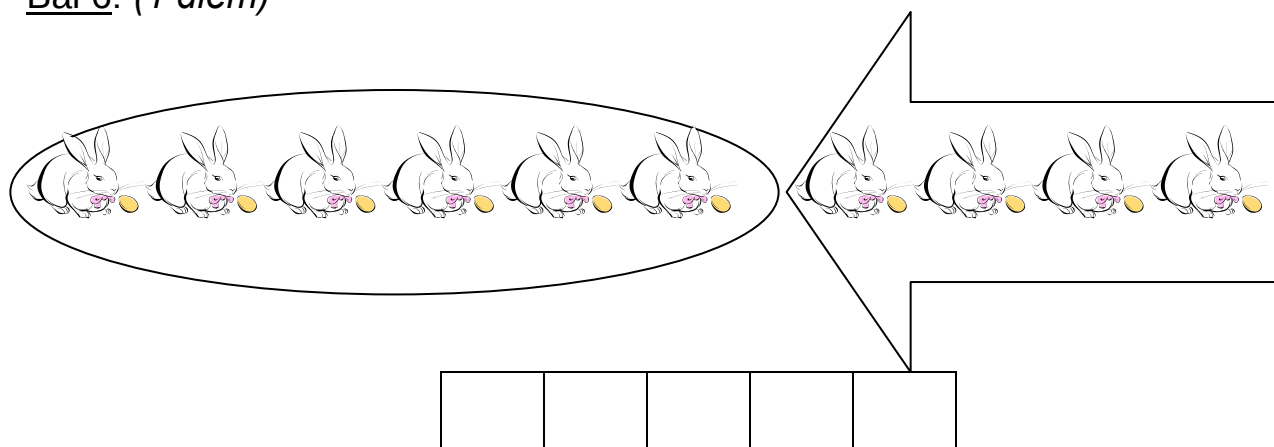
Bài 4: (1 điểm)

- | | | | | | | | |
|--|---|---------|----------------------|----------|---------|----------------------|---------|
| $\begin{array}{c} < \\ > \\ = \end{array}$ | ? | $7 + 2$ | <input type="text"/> | $2 + 7$ | $9 - 3$ | <input type="text"/> | $6 + 2$ |
| | | $3 + 4$ | <input type="text"/> | $10 - 5$ | $4 + 4$ | <input type="text"/> | $4 - 4$ |

Bài 5: (1 điểm)

- a) Khoanh tròn vào số lớn nhất: 5; 2; 8; 4; 7
- b) Khoanh tròn vào số bé nhất: 8; 6; 9; 1; 3

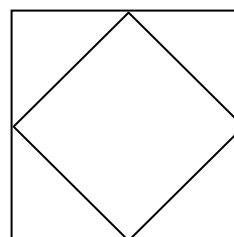
Bài 6: (1 điểm)



Bài 7: (1 điểm)

Hình bên có:

- hình tam giác.
- hình vuông



ĐỀ KIỂM TRA SỐ 5
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

Bài 1: Điền số thích hợp vào ô trống. (1điểm)

0	1		3		5	6			9	
---	---	--	---	--	---	---	--	--	---	--

Bài 2: Điền số theo mẫu: (1 điểm)

0 0 0 0	0 0 0 0 0 0	0 0 0 0 0 0 0 0	0 0 0	0 0 0 0 0 0 0	0 0 0 0 0
4					

Bài 3: Viết các số : 5 , 9 , 2 , 7 (1điểm)

- a. Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....
- b. Theo thứ tự từ lớn đến bé:.....

Bài 4: Tính (1 điểm)

- a. $2 + 5 - 0 =$ $2 + 3 + 4 =$
- b.
$$\begin{array}{r} 8 \\ + \\ 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 7 \\ \hline \end{array}$$

Bài 5: Điền số thích hợp vào ô trống: (2 điểm)

10 - = 6

+ 7 = 9

+ 8 = 10

8 - = 4

Bài 6: (1 điểm)

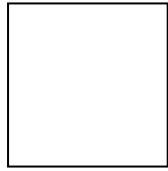
< > =	5..... 8	7 7
	9 6	8 10

Bài 7: Đúng ghi Đ, Sai ghi S: (0,5 điểm)

$2 + 6 = 8$ ☐

$9 - 5 = 3$ ☐

Bài 8: Nối (theo mẫu):(0,5 điểm)

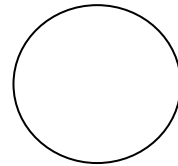
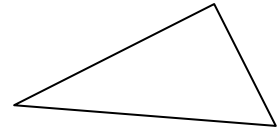


Hình tròn

Hình tam giác

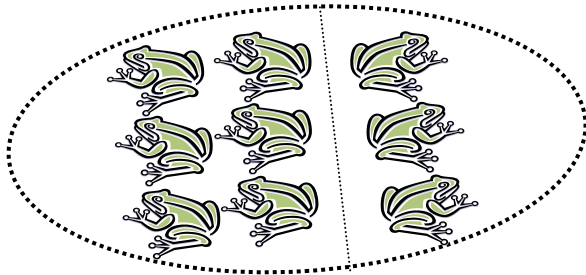


Hình vuông



Bài 9: (1 điểm)

a. Viết phép tính thích hợp vào ô trống:



--	--	--	--	--

b. Viết phép tính thích hợp vào ô trống

Có : 8 quả cam

Cho : 2 quả cam

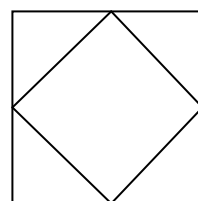
Còn :quả cam?

--	--	--	--	--

Bài 10: Hình bên có: (1 điểm)

a. Có hình vuông

b. Có hình tam giác



ĐỀ KIỂM TRA SỐ 6
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

Câu 1: Tính: (1 đ)

$1 + 1 =$ $2 + 3 =$ $5 + 4 =$ $7 + 2 =$

Câu 2: Số : (2 đ)

$3 + \dots = 7$ $8 - \dots = 5$

$4 + \dots = 9$ $6 - \dots = 2$

$2 + \dots = 5$ $\dots - 4 = 6$

Câu 3: Điền dấu thích hợp vào ô vuông: ($<$, $>$, $=$) (2 đ)

$4 + 1 \square 5$ $2 + 2 \square 3$

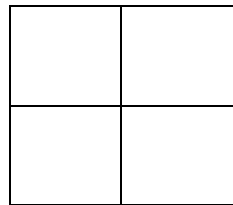
$5 \square 1 + 2$ $3 - 1 \square 1$

Câu 4: Trong các số : 6, 2, 4, 5, 8, 7 (1 đ)

a) Số nào bé nhất :

b) Số nào lớn nhất :

Câu 5: Hình bên có mấy hình vuông? 1 đ



A. 5 B. 4 C. 3

Câu 6: Thực hiện các phép tính : $4 + 2 - 3 = ?$ (1 đ)

A. 2

B. 3

C. 5

Câu 7 : Thực hiện phép tính thích hợp (2 đ)

Có : 4 con bướm

Thêm : 3 con bướm

Có tất cả : con bướm

--	--	--	--	--

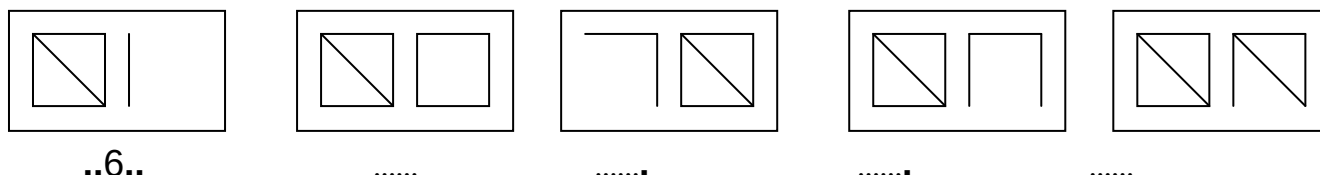
ĐỀ KIỂM TRA SỐ 7
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

Bài 1. (1điểm)

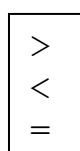
a) Điền số vào ô trống :

1 ; 2 ; ; ; ; 6 ; ; 8 ; 9 ; 10

b) Điền số vào chỗ chấm (....) theo mẫu:



Bài 2. (1điểm)



$3 + 5 \square 9$

$2 + 6 \square 7$

$7 + 2 \square 5 + 4$

$9 - 3 \square 4 + 3$

Bài 3. (3điểm) Tính :

a)
$$\begin{array}{r} 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

b) $3 + 4 - 5 = \dots\dots\dots$

c) $8 - 3 + 4 = \dots\dots\dots$

Bài 4. (1điểm) Viết các số 2 ; 5 ; 9 ; 8 :

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn :

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé :

Bài 5. (1điểm) S ?

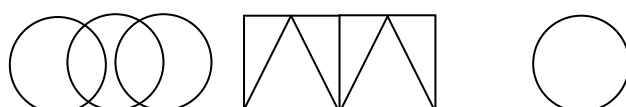
$4 + \square = 6$

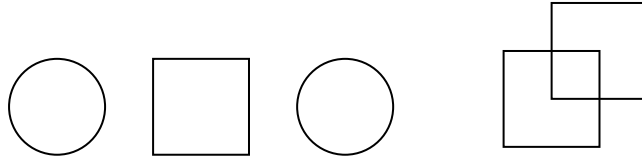
$\square - 2 = 8$

$\square + 5 = 8$

$7 - \square = 1$

Bài 6. (1điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm :





- a) Có..... hình tròn.
- b) Có hình tam giác.
- c) Có hình vuông.

Bài 7.(2điểm) Viết phép tính thích hợp :

- a) Có : 7 quả
- Thêm : 2 quả
- Có tất cả : quả

--	--	--	--	--

- b) Điền số và dấu thích hợp để được phép tính đúng

			=	8
--	--	--	---	----------

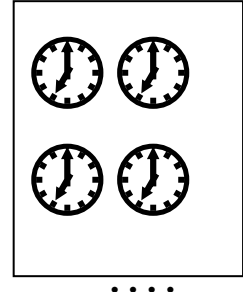
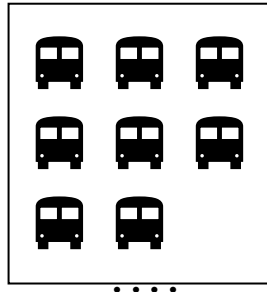
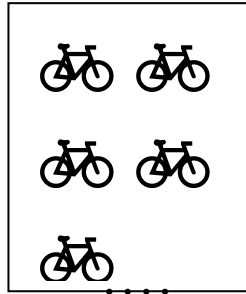
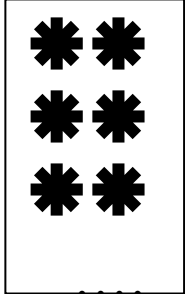
			=	6
--	--	--	---	----------

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 8
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

Câu 1 / Viết (3 đ)

a/ Viết các số từ 5 đến 10 :

b/ Viết số vào chỗ chấm :



c/ Đọc các số :

8 :

10 :

9 :

1 :

Câu 2 / Tính : (2 đ)

a/
$$\begin{array}{r} 8 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 0 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

b/ $8 - 5 = \dots$ $7 + 3 = \dots$
 $1 + 4 + 5 = \dots$ $2 - 1 + 9 = \dots$

Câu 3 / Viết các số 9 , 6 , 3 , 1 , 8 : (1 đ)

a/ Theo thứ tự từ bé đến lớn :,,,,

b/ Theo thứ tự từ lớn đến bé :,,,,

Câu 4 / Điền số thích hợp vào chỗ chấm : (1 đ)

$\dots + 1 = 6$ $5 + \dots = 9$ $\dots - 5 = 5$ $10 - \dots = 10$

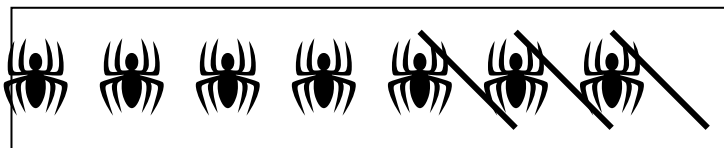
Câu 5 / Điền dấu > < = vào ô trống : (1 đ)

$4 + 3 \square 8$ $9 - 2 \square 10 - 7$

$10 - 1 \square 8 + 0$ $5 \square 10 - 5$

Câu 6 / (1 đ)

Viết phép tính thích hợp :



ĐỀ KIỂM TRA SỐ 9
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

1. Tính: (2 điểm)

a/

$\begin{array}{r} + 4 \\ 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} - 9 \\ 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} + 5 \\ 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} + 2 \\ 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} - 10 \\ 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} + 1 \\ 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} + 10 \\ 0 \\ \hline \end{array}$
.....						

b/

$10 - 4 + 3 =$	$10 - 5 + 2 =$	$10 + 0 - 4 =$
.....		
$6 + 2 - 3 =$	$7 - 4 + 6 =$	$8 - 3 + 3 =$
.....		

2. Số? (2 điểm):

$9 = \dots\dots\dots + 4$	$3 + \dots\dots > 9 - 1$	$3 + 6 < 7 + \dots\dots$
$10 = 7 + \dots\dots$	$10 - 4 < 7 - \dots\dots$	$\dots\dots - 5 > 3 + 1$
$9 = 10 - \dots\dots$	$\dots\dots - 8 = 9 - 1$	$10 - \dots\dots = 8 - 2$

3. Viết các số: 8; 1; 5; 4; 7; 2. (2 điểm)

a/ Theo thứ tự từ bé
đến lớn:

b/ Theo thứ tự từ lớn
đến bé:

4. Viết phép tính thích hợp (2 điểm)

Lan có: 6 lá cờ }
Hồng có: 4 lá cờ } ? 1 lá

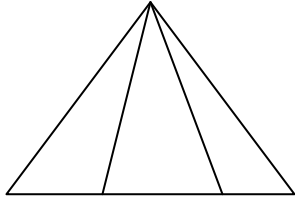
Có: 9 quả cam
Cho: 4 quả cam
Còn: ? quả cam

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

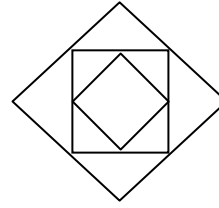
5. Trong hình dưới đây (2 điểm)

a/



Có hình tam giác

b/



Có hình vuông

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 10
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

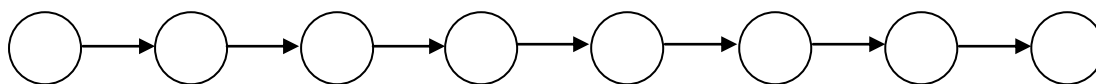
Bài 1 : Điền số.

$5 + \dots = 9$	$\dots - 6 = 3$	$5 + \dots = 8$	$\dots + 2 = 7$	$6 + 3 = \dots$
$\dots + 7 = 8$	$9 - \dots = 5$	$\dots + 5 = 7$	$1 + \dots = 6$	$9 - 5 = \dots$

Bài 2 : Tính.

$9 - 1 = \dots$	$7 + 2 = \dots$	$9 - 4 = \dots$	$9 - 7 = \dots$	$9 - 5 = \dots$	$8 - 7 = \dots$
$6 + 2 = \dots$	$9 - 0 = \dots$	$8 - 3 = \dots$	$8 - 6 = \dots$	$7 - 3 = \dots$	$9 - 8 = \dots$
$7 + 1 = \dots$	$0 + 9 = \dots$	$2 + 3 = \dots$	$5 - 3 = \dots$	$6 - 2 = \dots$	$6 - 5 = \dots$

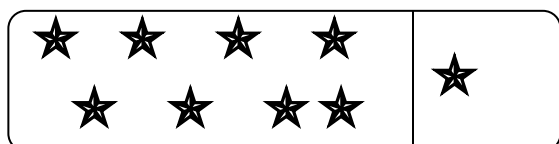
Bài 3 : Viết các số 6, 5, 0, 2, 10, 7, 4, 3 theo thứ tự từ bé → lớn.



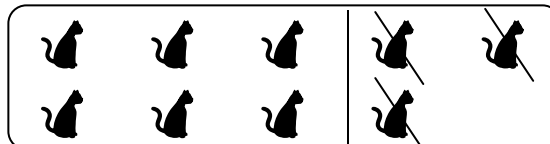
Bài 4 : Đúng ghi “đ”, sai ghi “s” vào ô trống.

$6 > 0$ ☐	$2 < 3 < 4$ ☐	$2 + 3 > 5$ ☐	$7 = 7$ ☐
$3 < 9$ ☐	$4 > 7 > 8$ ☐	$5 + 0 = 5$ ☐	$3 < 1$ ☐

Bài 5 : Viết phép tính thích hợp.



--	--	--	--

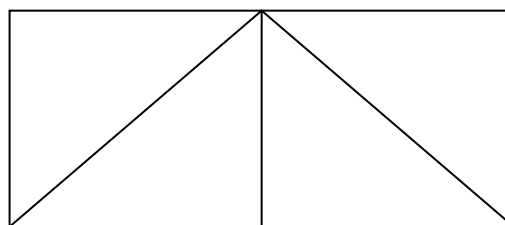


--	--	--	--

Bài 6 : Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Hình bên có số hình tam giác là:

- A. 4
- B. 5
- C. 6



Bài 7 : Đặt phép tính thích hợp: “ + ” hoặc “ — ”

$1 \dots 2 = 3$	$2 \dots 1 = 3$	$1 \dots 1 = 2$	$1 \dots 4 = 5$
$3 \dots 1 = 2$	$3 \dots 2 = 1$	$2 \dots 1 = 1$	$2 \dots 2 = 4$
$4 \dots 2 = 2$	$4 \dots 3 = 1$	$3 \dots 3 = 0$	$3 \dots 2 = 5$

$$\begin{array}{l} 9..... 5 = 4 \\ 3..... 6 = 9 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 8..... 6 = 2 \\ 2..... 6 = 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 6..... 3 = 9 \\ 7..... 1 = 8 \end{array}$$

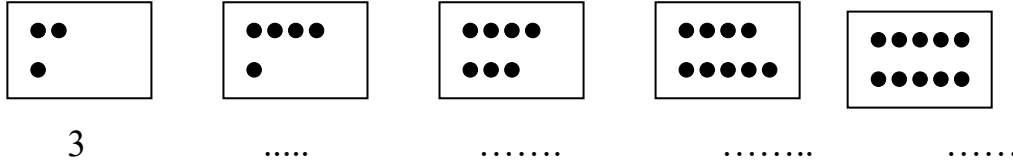
$$\begin{array}{l} \text{Trang } 15 \\ 7..... 3 = 10 \\ 5..... 3 = 8 \end{array}$$

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 11
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

1. Viết

a/ Các số từ 1 đến 10:.....

b/Theo mẫu:



c/Đọc số: 7 :bảy 10 :..... 3 :..... 8 :..... 5 :.....

2.Tính:

a/ 5	8	9	10
+	+	-	-
4	2	3	6
—	—	—	—

b/ 7 + 2 = 6 - 0 = 5 + 3 - 4 = 8 - 0 + 1 =

3. Viết các số 3 ; 6 ; 9 ; 2:

a/Theo thứ tự từ bé đến lớn.....

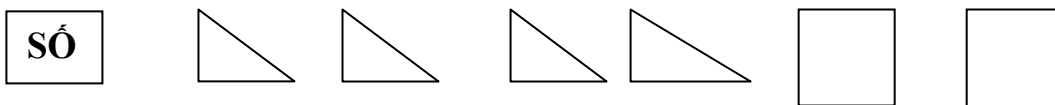
b/ Theo thứ tự từ lớn đến bé.....

4.Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

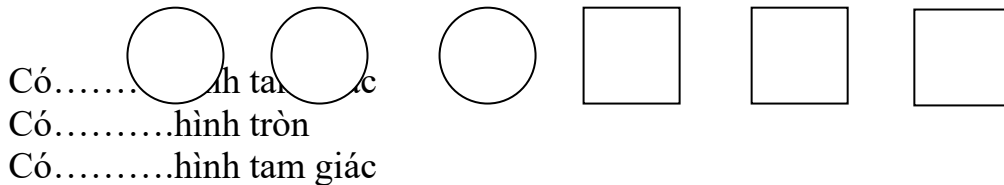
3 + ... =7	+ 6 = 8
8 - ... =4	- 5 =0

5. Điền dấu > < = vào chỗ chấm

4 + 3 7	5 + 2 6
8 - 5 4	7 - 04 + 2



6.



7.Viết phép tính thích hợp:

a/ Có : 6 viên kẹo
Được cho thêm : 2 viên kẹo
Có tất cả : ? viên kẹo

--	--	--	--	--

b/Điền số và dấu thích hợp để được phép tính đúng:

			=	7
--	--	--	---	---

			=	7
--	--	--	---	---

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 12
MÔN THI: TOÁN 1
Thời gian làm bài 60 phút

Bài 1. (1,5 điểm) Đúng ghi đ, sai ghi s vào ô trống

$8 + 0 = 8$

$4 - 0 > 3$

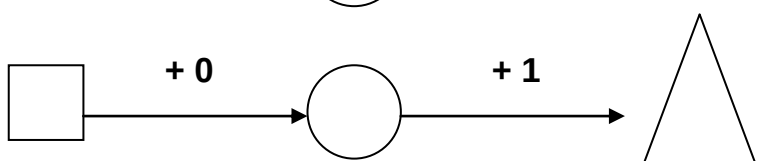
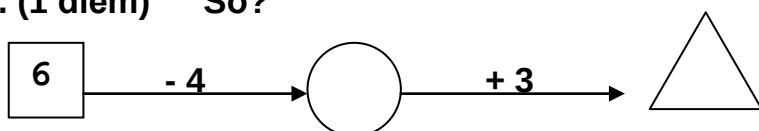
$7 + 1 > 9$

$10 - 0 = 10$

$3 + 3 < 6$

$0 + 6 < 1 + 0 + 5$

Bài 2. (1 điểm) Số?



Bài 3. (1 điểm) Tính

$$\begin{array}{r} 7 \\ + \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ + \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ - \\ \hline \end{array}$$

Bài 4. (1 điểm) Tính

$4 + 4 - 3 = \dots\dots\dots$

$9 - 5 + 2 = \dots\dots\dots$

Bài 5. (1 điểm) Viết các số 4, 6, 8, 7, 3 theo thứ tự từ lớn đến bé

Bài 6. (1 điểm) Viết phép tính thích hợp

Có 9 quả bóng

Bớt 3 quả bóng

Còn.....quả bóng

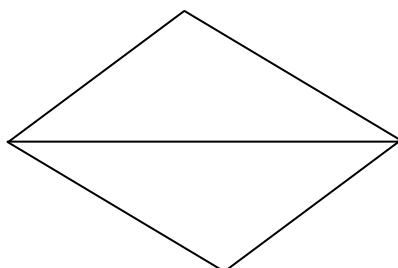
--	--	--	--	--

Bài 7. (1 điểm) Hình vẽ sau có mấy đoạn thẳng? Khoanh vào trước câu trả lời đúng.

3 đoạn thẳng

4 đoạn thẳng

5 đoạn thẳng



Bài 8. (1 điểm) Mẹ chia kẹo cho hai anh em. Em được 2 cái kẹo, anh được ít hơn em. Hỏi anh được mấy cái kẹo?

Trả lời: Anh được mẹ chia cho....cái kẹo.

Bài 9. (1,5 điểm) Ghi số thích hợp vào ô trống

	-		+		=	0
--	---	--	---	--	---	---

	+		-		=	9
--	---	--	---	--	---	---

1. Đọc thành tiếng các âm: d, s, m, qu, ngh, kh.
2. Đọc thành tiếng các vần: ua, ôi, ia, ây, uôi, uoi.
3. Đọc thành tiếng các từ ngữ: ngày hội, tuổi thơ, nghỉ ngơi, cua bể, nhà ngói, tươi cười.
4. Đọc thành tiếng các c â u sau:
 - Cây bưởi sai trĩu quả .
 - Gió lùa qua khe cửa.
5. Nói ô chữ cho phù hợp (3 điểm)

xe

[illegible][illegible][illegible][illegible]

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 2
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

I/KIỂM TRA ĐỌC:

1. Đọc thành tiếng:

a. Đọc các vần: ong, ông, eng, iêng, uông, ương, ăm, âm, om, ôm, im, em.

b. Đọc các từ ngữ: Cái vông, măng tre, bông súng, quả chùng, làng xóm.

c. Đọc câu: Quê em có dòng sông và rừng tràm.
Con suối sau nhà rì rầm chảy.

2. Đọc hiểu:

a. Nối ô chữ cho phù hợp:

Sóng vỗ		Bay lượn
chuồn chuồn		Rì rào

b. Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống.

?

eng hay iêng : Cái x; bay l.....

/

ong hay âng : Trái b.....; v.....lời?

II.KIỂM TRA VIẾT:

1. Viết vần: om, am, ăng, em, iêng, ong, uông.

2. Viết từ: nhà tầng, rừng hươu, củ riềng, canh chanh, nuôi tằm, con tôm.

3. Viết câu: Vàng trắng hiện lên sau rặng dừa.
Đàn dê cắm cúi gặm cỏ trên đồng

Phần A. Kiểm tra đọc

I. Đọc thành tiếng - 6 điểm

1. Đọc vần:

en	ương	ôm	ươu	iu	at	iêu	au	ưu	ưng
on	iêm	ân	âm	ôn	ơn	im	ên	yêm	ot
iên	ênh	ât	ươn	eng	ắt	ăng	et	yên	uôm
ăn	iêng	êr	om	ang	anh	inh	an	uông	am
yêu	ơr	uôn	ơm	ut	um	ưr	êu	ôr	un

2) Đọc từ:

câu cá	gió bão	lúu lo	già yếu	trái lựu	con đò
--------	---------	--------	---------	----------	--------

khăn rằn	ôn bài	dế mèn	con lươn	hồ sen	xe tăng
rau ngót	lương khô	bánh mì	con kênh	cái cưa	rom rạ
trẻ em	mũm mĩm	âu yếm	gỗ keng	lá lốt	con vịt

3) Đọc câu:

Trong vòm lá mới chồi non

Chùm cam bà giữ vẫn còn đung đưa

Quả ngon dành tận cuối mùa

Chờ con, phần cháu bà chưa trả vào

II. Đọc hiểu - 4 điểm(10 phút):1. Nối (1,5 điểm)

Bé luôn luôn

ngồi trong lòng mẹ.

Trong phố

nghe lời thầy cô.

Chú bé

Có nhiều nhà cao tầng.

2. Điền vào chỗ chấm (2,5 điểm)a. Điền c hay k ?

.....áiéo

.....ua bề

b. Điền anh hay inh ?

tinh nh

k sợ

Phần B. Kiểm tra viết -10 điểm(30 phút) (Học sinh viết vào giấy ô ly)

Giáo viên đọc cho học sinh viết:

ôi, in, âm, iêng, êu, eo, anh, ong, ắt, iết, uôm, yêu, ươn, êt, an, ơt, um, ươu, ơn,
ung, yêm, at, âu, uông

Con suối sau nhà rì rào chảy. Đàn dê cắm cúi gặm cỏ bên sườn đồi

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 3
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

I. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng: (7 điểm)

a. Đọc thành tiếng các vần sau:

ua , ôi , uôi , eo , yêu , ăn , ương , anh , om , â

b. Đọc thành tiếng các từ sau:

khách sạn, cá mập, đại bàng, dưa chuột

c. Đọc thành tiếng các câu sau:

HOA MAI VÀNG

Nhà bác khảo thật lắm hoa, có vài trăm thứ, rải rác khắp cả khu đất. Các cánh hoa dài ngắn, đủ sắc xanh đỏ trắng vàng, đủ hình đủ dạng.

Mai thích hoa đại, hoa nhài, hoa mai, nhất là hoa mai vàng.

2. Đọc hiểu: (3 điểm)

a. Nội ô chữ cho phù hợp

Chị ngã

như ý

Vạn sự

em nâng

Mưa thuận

gió hoà

b. Điền vần ua hoặc vần ưa vào ô trống: (1 điểm)

Lưỡi c....

Trời m....

Con c....

II. Kiểm tra viết: Thời gian 40 phút (10 điểm)

(Giáo viên đọc từng tiếng học sinh viết vào giấy ô ly)

1. Viết vần:

ơi , ao , uoi , ây , iêm , ôn , uông , inh , um , ăt.

2. Viết các từ sau:

cá thu, vàng trắng, bồ câu, gập ghềnh

3. Viết bài văn sau:

NHỚ BÀ

Bà vẫn ở quê. Bé rất nhớ bà.

Bà đã già, mắt đã loà, thế mà bà đan lát, cạp rô, cạp rá bà tự làm cả.

Bà vẫn rất ham làm.

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 4
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

A. PHẦN ĐỌC: 10 điểm

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

(GV gọi từng em học sinh lên bảng cầm giấy đọc theo yêu cầu)

1. Đọc thành tiếng các vần:

oi am iêng ut

2. Đọc thành tiếng các từ ngữ:

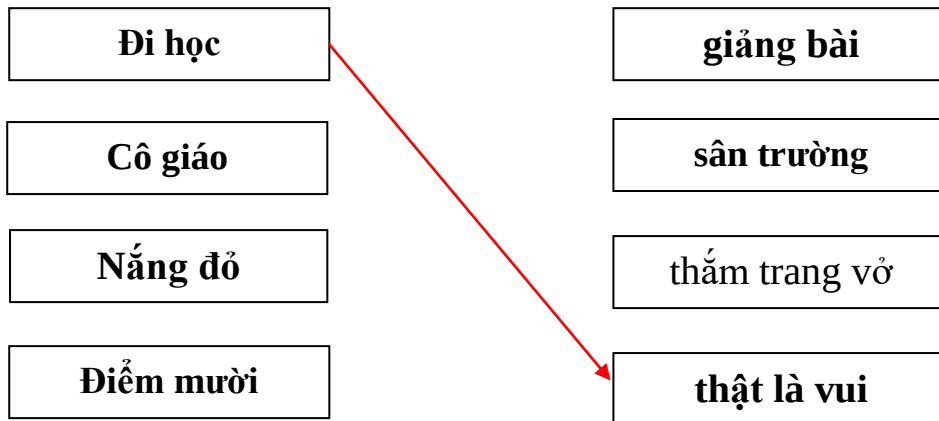
bố mẹ quê hương bà ngoại già yếu

3. Đọc thành tiếng các câu:

Đi học thật là vui. Cô giáo giảng bài. Năng nổ sân trường. Điểm mười trăm trang vở.

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

1. Nối câu (theo mẫu): 3 điểm.



2. Điền vần ua hoặc vần ưa vào ô trống: (1 điểm)

Lưỡi c....

con c....

B. PHẦN VIẾT: 10 ĐIỂM

Tập chép

(Giáo viên viết lên bảng bằng chữ viết thường mỗi phần viết một dòng học sinh nhìn bảng và tập chép vào giấy ô ly)

1. Các vần: (3 điểm)

ay eo uôm iêng ưt êch

2. Các từ ngữ: (4 điểm)

bàn ghế bút mực cô giáo học sinh

3. Câu: (3 điểm)

Làng em vào hội công chiêng

1. Kiểm tra @ác (10 @iỐm)

a- Săc thụnհ tiỐng c,c vÇn sau :

an , eo , y^an , --ng
, --t

b- Săc thụnհ tiỐng c,c tỗ ng÷ :

rÆng dĩa, @Ønh nói, s--ng mĩ, c,nh buồm, trang vẽ

c- Săc thụnհ tiỐng c,c c@u sau :

Chim Đn tr,nh rĐt bay vỒ ph--ng nam. C¶ @un @· thÊm
mỐt nh-ng vẾn cè bay theo hụnğ.

d- Chăn vÇn thÝch híp @iỒn vạo chặ trềng :

- --n hay --ng : con l ;
y^au..... /

- "t hay "c : ch,u ch; m.....
.o.

2. kiểm tra viết (10@iỐm)

a.ViỐt 5 vÇn : u«m, ^anh, "ng, @n, --u thụnհ mét đBng.

b.ViỐt c,c tỗ sau thụnհ mét đBng :

@u quay, thụnհ phè, b«ng sổng, @xnh lụnğ

c. ViỐt c,c c@u sau : bay cao cao vót
chim biỒn mÊt rải
chØ cBn tiỐng hất
lụn xanh da trêi

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 5
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)

a- Đọc thành tiếng các vần sau :

an , eo , yên , ương , ươt

b- Đọc thành tiếng các từ ngữ :

rặng dừa, đỉnh núi, sương mù, cánh bướm, trang vở

c- Đọc thành tiếng các câu sau :

Chim én tránh rét bay về phương nam. Cả đàn đã thấm mệt nhưng vẫn cố bay theo hàng.

d- Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống :

- ươn **hay** ương : con l..... ; y _u.....

- ắt **hay** ắc : cháu ch/; m..... áo.

2. kiểm tra viết (10 điểm)

c. Viết 5 vần : uôm, ênh, ăng, ân, ươt thành một dòng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Viết các từ sau thành một dòng :

đu quay, thành phố, bông súng, đình làng

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

e. Viết các câu sau :

bay cao cao vút
chim biến mất rồi
chỉ còn tiếng hót
làm xanh da trời

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 6
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

Phần đọc thành tiếng

Câu 1 / Đọc thành tiếng các vần sau : 2đ

on iêng ươt im ay

Câu 2 / Đọc thành tiếng các từ ngữ sau : 2đ

cầu treo cá sấu dừa xiêm cười ngựa kì diệu

Câu 3 / Đọc thành tiếng các câu sau : 2đ

Những bông cải nở rộ , nhuộm vàng cả cánh đồng .
Trên trời bướm bay lượn từng đàn .

Phần viết

Câu 1 / Đọc cho học sinh viết các vần (2đ)

âm ươm ong ơt ênh

Câu 2 / Đọc cho học sinh viết các từ ngữ (4 đ)

rừng tràm hái nấm lưỡi xẻng chẻ lạt xin lỗi

Câu 3 / Tập chép (4 đ)

Ban ngày , sẽ mãi đi kiếm ăn cho cả nhà . Tối đến sẽ mới cỡ thời gian âu yếm đàn con .

Phần viết

Câu 1 / Đọc cho học sinh viết các vần (2đ)

âm ươm ong ơt ênh

Câu 2 / Đọc cho học sinh viết các từ ngữ (4 đ)

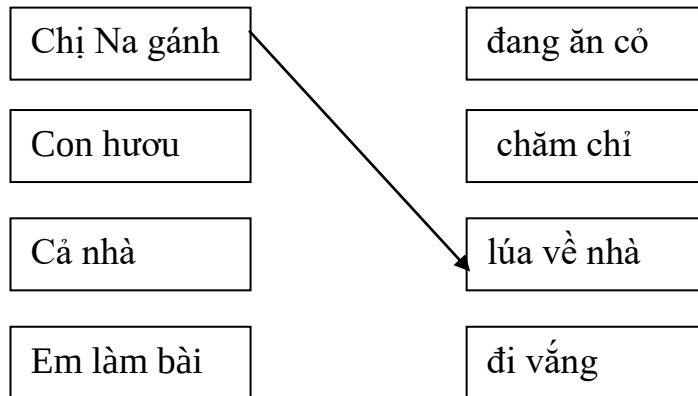
rừng tràm hái nấm lưỡi xẻng chẻ lạt

Câu 3 / Tập chép (4 đ)

Ban ngày , sẽ mãi đi kiếm ăn cho cả nhà . Tối đến sẽ mới cỡ thời gian âu yếm đàn con .

Phần Đọc hiểu

Câu 1 / Nối ô chữ cho phù hợp : 2đ



Câu 2 / Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống : 2đ

oi hay ơi : làn kh ... cây c...

ăm hay âm : ch ... chỉ m ... cơm

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 7
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

1/GV coi thi cho học sinh lên bảng đọc các vần sau: (3đ)

-

Ôm iên uông ung ăng anh

2/Gv cho học sinh đọc các từ sau (3đ)

-

-

Chó đốm Rau muống Canh chanh

Trung thu Phở Viên phở

3/GV cho học sinh đọc các câu sau (4đ)

**Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao**

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 8
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

A/ KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG: (7 điểm)

1. Đọc các vần:

Ua, ưu, ưuu, ong, ương, anh, inh, uôm, ot, ôt.

2. Đọc các từ:

Mũi tên, mưa phùn, viên phấn, cuộn dây, vườn nhãn, vòng tròn, vàng trắng, bay liệng, luống cày, đường hầm.

3. Đọc các câu:

+ Những bông cải nở rộ nhuộm vàng cả cánh đồng.

+ Trên trời, bướm bay lượn từng đàn.

II. ĐỌC HIỂU: (3 điểm)

*** Đọc thầm và làm bài tập: Nối các từ ở cột A với các từ ở cột B để tạo thành cụm từ có nghĩa.**

A/	Vườn nhãn	B/	Đều cổ găng
	Từng đàn		Tung bôm
	Ngựa phi		Bướm bay lượn
	Bé và bạn		Sai trĩu quả

B/ KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

1. Viết cá từ: ghé đệm, nhuộm vải, sáng sớm, đường hầm (7 điểm)

2. Làm các bài tập: (3 điểm)

Chọn vần, phụ âm đầu thích hợp điền vào chỗ trống:

a. Chọn vần thích hợp điền vào chỗ

ong hay ông: con

cây th.....

b. Chọn phụ âm đầu x, s, ng, nh, ng thích hợp điền vào chỗ trống (1 điểm)

Láene đạp.ĩ ngợiửi mùi.

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 9
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

I. Phần kiểm tra đọc (10 đ)

2. Đọc vần :(2 đ)

- âu , ôn , oi , ia , ua.
- Ấy , ươi . iu , âu
- Eo , ay , êu , iên , ut
- Ưu , iêu , ung, inh , ênh
- An , ăn , un , ươi, ưu

2.Đọc thành tiếng các từ (2 đ)

- rõ rá , nhổ cỏ , gồ ghề , giỏ cá mùi thơm, con vượn.
- mua mía , trỉa đỗ , mùa dưa , đôi đũa ,cối xay ,vây cá.
- cái kéo , chào cờ , trái đào , sáu sậu, vườn nhãn.

3. Đọc thành tiếng các câu (2 đ)

Sau cơn mưa. Gà mẹ dẫn đàn con đi kiếm ăn.

4. Nối ô chữ cho thích hợp (2 đ)

Siêng
Trường

làng
Năng

5. Điền vần thích hợp vào chỗ chấm (2 đ)

- om hay am số t..... ống nh.....
- im hay um râu k ch Nhãn.

II. PHẦN KIỂM TRA VIẾT:

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 10
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

1. Kiểm tra đọc (10 điểm)

a/ Đọc thành tiếng các vần:

âu , an , ung , om , ươn

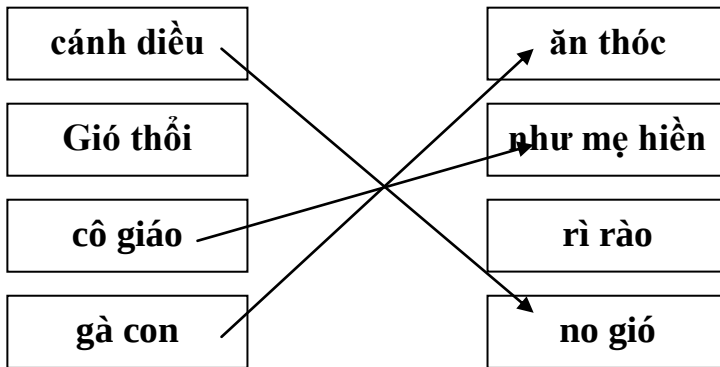
b/ Đọc thành tiếng các từ ngữ:

mái ngói, cây cau, khen thưởng ,bông súng, chuối chín

c/ Đọc thành tiếng các câu:

Mùa hè vừa đến, phượng vĩ trở bông tô đỏ sân trường. Các bạn thả xuống làm bướm bay trong vở.

d/Nối ô chữ cho phù hợp:



e/ Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống:

-ôm hay ơm: gói, bó r.....

-uôn hay uông: quả ch....., b..... bán

2/Kiểm tra viết(10 điểm)

a/Vần: ui , âu , anh, ươn, iêt

b/Từ ngữ: dòng kênh, cây bàng, măng tre , hươu nai

c/Câu:

Gió từ tay mẹ
Ru bé ngủ say
Thay cho gió trời
Giữa trưa oi ả

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 11
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC 10 điểm
(7 điểm)

I. Đọc thành tiếng

1. Đọc vần (2 điểm) Học sinh đọc sai mỗi vần trừ 0,1 điểm

ay	uôn	ươn	iu	ưu	ươu	iên	uôm	ươm	iêt
ân	uôt	ang	anh	iêng	ưng	ênh	eng	yêm	ương

2. Đọc từ ngữ (2 điểm) Học sinh đọc sai, ngọng mỗi từ ngữ trừ 0,5 điểm

mưu trí nhà rông bầu rượu buôn làng

3. Đọc đoạn, bài (3 điểm) Học sinh đọc sai mỗi tiếng trừ 0,2 điểm và tùy mức độ đọc của học sinh mà giáo viên cho điểm phù hợp.

Những bông cải nở rộ nhuộm vàng cả cánh đồng. Trên trời, bướm bay lượn từng đàn.

II. Bài tập (3 điểm) *Thời gian 15 phút*

Bài 1. (1 điểm) Đúng điền đ, sai điền s vào ô trống

chim iến ☐

ghế đệm ☐

nóng nực ☐

cái ciềng ☐

Bài 2. (1 điểm) Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp

Rửa tay sạch

học môn Tiếng Việt.

Bé rất thích

bán hoa.

Mẹ đi chợ

chưa chín.

Quả gấc

trước khi ăn cơm.

Bài 3. (1 điểm) Điền s hay x vào chỗ chấm thích hợp
nước ...ôi đĩa ...ôi

PHẦN KIỂM TRA VIẾT

9 điểm

Thời gian 20 phút

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 12
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

A. Kiểm tra đọc

I. Đọc thành tiếng (6đ).

II. Bài tập : (4đ)

1 -Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống : (2đ)

+ uôm hay uôn : *nắng nh..... vàng ; l..... lách*

+ iên hay iêng : *bay l.....; h..... ngang.*

2. Điền ng hay ngh: vào chỗ chấm:.....e.....óng;ĩ.....ội.

3 -Nối ô chữ tạo thành câu cho phù hợp : (2đ)

Vườn cải nhà em
Đàn sẻ
Bữa cơm trưa
Con suối

đi kiếm mồi
ngon miệng
nở rộ
chảy rì rầm

B. Kiểm tra VIẾT

1/Viết chính tả (5đ).

Em tự chép lại bốn câu văn ở bài tập 3 cho đúng

ĐỀ KIỂM TRA SỐ 13
MÔN THI: TIẾNG VIỆT 1
Thời gian làm bài 60 phút

I. Kiểm tra đọc (10 điểm)

A. Đọc thành tiếng (6 điểm)

B. Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

1/ (2 điểm) Nối ô chữ cho phù hợp:

Cánh đồng

lú lo

Chim hót

bát ngát

Lá cờ

gợn sóng

Mặt hồ

đỏ thắm

2 . (2 điểm) Chọn vần, phụ âm đầu thích hợp điền vào chỗ trống:

a. Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống (1 điểm)

- ong hay ông : con; cây th.....

- iên hay iêng : Hà T ; Sầu r

b.Chọn phụ âm đầu x , s , ngh, ng thích hợp điền vào chỗ trống (1 điểm)

- Láen ,e đạp.

-ĩ ngội ,ửi mùi.

II. Kiểm tra viết (10 điểm)

a. Vần : iêu , uông , anh , iêt, ac.

b.Từ ngữ: thanh kiếm, kết bạn, đường hầm, hiểu biết

c. Câu :

Không có chân có cánh

Sao gọi là con sông ?

Không có lá có cành

Sao gọi là ngọn gió ?